

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2021/HSST
Ngày 29-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Viết Tú

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT tham gia phiên toà:
Ông Phạm Mạnh Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT. Tòa án nhân dân huyện TT mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Phùng Đức C, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Khu 2, xã ĐT, huyện TT tỉnh PT; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phùng Văn Dậu (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Nhu; Có vợ: Nguyễn Thị Kim Thuý và 02 con, (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/12/2020 đến ngày 01/01/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu 8, xã Tu Vũ, huyện TT, tỉnh PT. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/7/2003 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Văn Long là bố đẻ. Địa chỉ: Khu 8, xã Tu Vũ, huyện TT, tỉnh PT. (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Quyết T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu 1, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. (vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu 2, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phùng Đức C không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động dịch vụ ghi xổ số, lô tô Nhà nước. Tuy nhiên, do công việc buôn bán kinh doanh hàng tạp hóa của gia đình C có nhiều thời gian rảnh rỗi và muốn có thêm thu nhập, nên khoảng đầu năm 2019 C đã tự đứng ra tổ chức đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề cho khách. Cách thức chơi như sau: Các số lô, số đề là các số tự nhiên từ 00 đến 99, người chơi có thể mua các số tự chọn với số tiền tùy ý. Đối với số đề: Nếu số đã mua trùng với hai số cuối giải đặc biệt kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày, thì người chơi là người thắng và được số tiền gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra đánh đề. Đối với số lô thì mua theo điểm, mỗi điểm bằng 23.000đ/01 điểm, nếu số đã mua trùng với hai số cuối của tất cả các giải xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày thì người mua được 80.000đồng/1 điểm lô, nếu không trúng thì sẽ mất số tiền đã mua. C cho người chơi hưởng tiền hoa hồng nhưng không quá 20% trên tổng số tiền mua số đề. Sau khi ghi số lô, số đề C không chuyển bảng đề cho ai mà giữ lại và chi trả cho người tham gia đánh bạc nếu họ trúng, còn lại nếu không trúng thì C hưởng T bộ số tiền thu được.

Khoảng hơn 17 giờ ngày 27/12/2020, C đang ngồi tại bàn ở gian bán hàng tạp hóa của gia đình để bán hàng thì có Nguyễn Đức L và Nguyễn Văn T đến hỏi mua số lô, số đề, C đồng ý. T đọc số lô, số đề cần mua (Toàn đã viết sẵn vào mảnh giấy) cho C ghi vào 01 tờ giấy (gọi là bảng đề) gồm các số đề: 86, 68, 88, 66, mỗi số = 200.000 đồng; các số lô: 86, 68 mỗi số = 50 điểm. Tổng tiền T mua số lô, số đề của C là: 3.100.000 đồng. C cho T 100.000 đồng tiền hoa hồng nên T đã trả cho C số tiền là 3.000.000 đồng. Sau đó Nguyễn Đức L lấy ra một tờ giấy Long đã ghi sẵn các số lô, số đề và đọc để C ghi vào tờ bảng đề gồm các số: số đề 04, 40, 24, 42, 77, mỗi số = 200.000 đồng; số lô 04, 40 mỗi số = 25 điểm. Tổng số tiền Long mua số lô, đề của C là 2.150.000đồng, C cho Long 50.000 đồng tiền hoa hồng nên Long trả cho C số tiền 2.100.000 đồng. Khi Long và C đang thanh toán tiền cho nhau thì bị tổ công tác Công an huyện TT phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Ngoài ra, trong ngày 27/12/2020 Phùng Đức C còn có hành vi ghi số lô, số đề cho một số đối tượng, cụ thể như sau:

- Ghi số đề cho Đinh Xuân Đạt sinh năm 1957 (ở khu 8, xã Tu Vũ, huyện TT) các số đề: đầu 2 (gồm các số 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29), đít 2 (gồm các số 02, 12, 22, 32, 42, 52, 62, 72, 82, 92), đầu 5 (gồm các số 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59), đít 5 (gồm các số 05, 15, 25, 35, 45, 55, 65, 75, 85, 95), số đề 26, 62, mỗi số = 5.000 đồng. Tổng số tiền Đạt mua số đề và đã trả cho C số tiền là 210.000 đồng.

- Ghi số đề cho Trần Văn Ánh sinh năm 1962 (ở khu 1, xã ĐT, huyện TT) các số sau: Dây 12 (gồm các số 12, 21, 17, 71, 26, 62, 67, 76), dây 13 (gồm các số 13, 31, 18, 81, 36, 63, 68, 86) mỗi số 5.000 đồng; số đề 12, 21, 17, 71, 68, 86, 06, 60 mỗi số 5.000 đồng. Tổng số tiền Ánh mua số đề và đã thanh toán tiền cho C là 120.000 đồng.

- Ghi số đề cho Nguyễn Văn Giang sinh năm 1964 (ở khu 1, ĐT, huyện TT, tỉnh PT) các số đề sau: Dây 24 (gồm các số 24, 42, 29, 92, 47, 74, 97, 79) mỗi số

5.000 đồng; số đề 74, 79 mỗi số 10.000 đồng. Tổng số tiền Giang mua số đề và đã thanh toán cho C là 60.000 đồng.

- Ghi số đề cho Phan Văn Nghĩa sinh năm 1985 (ở khu 4, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT) các số đề sau: số đề 70, 75 mỗi số 120.000 đồng. Tổng số tiền Nghĩa đã mua số đề và đã thanh toán cho C là 240.000 đồng.

- Nguyễn Quyết T1, sinh năm 1985 (ở khu 1, xã ĐT, huyện TT) đã sử dụng điện thoại di động Nokia 1280 màu đen trắng, lắp sim số 0984.677.536 nhắn tin vào số điện thoại 0983.469.894 (của C) để mua các số đề sau: đầu 0 (gồm các số 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09), đầu 5 (gồm các số 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59), đầu 6 (gồm các số 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69), đầu 8 (gồm các số 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89), mỗi số 5.000 đồng; số đề 07, 08, 09, 56, 57, 58, 61, 62, 63, 64, 65, 67, 68, 69, 82, 83, 84, 85, 86, 95, 96, 97, 98 mỗi số 10.000 đồng; số đề 62, 63, 64, 68, 67 mỗi số 20.000 đồng; 67, 68 mỗi số 50.000 đồng; số đề dây 12 (gồm các số 12, 21, 17, 71, 26, 62, 67, 76), số đề dây 13 (gồm các số 13, 31, 18, 81, 36, 63, 68, 86), mỗi số = 10.000 đồng; đầu 6 (gồm các số 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69), đầu 9 (gồm các số 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, mỗi số = 5.000 đồng; số đề 62, 63, 64, 67, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 82, 83, 84 mỗi số = 10.000 đồng. Số lô 97, 98 mỗi số 5 điểm. Tổng số tiền Thắng đã mua số lô, số đề của C là 1.280.000 đồng. Tuy nhiên, đến khi C bị bắt, Thắng chưa trả tiền cho C.

Ngoài ra, C còn khai nhận: chiều ngày 27/12/2020, C bán số lô, số đề cho 2 đối tượng khác cụ thể như sau:

- Chiều ngày 27/12/2020 C nhận được tin nhắn từ số điện thoại 0334.601.922 (theo lời khai của C đây là số điện thoại của Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1982 (ở khu 4, xã ĐT, huyện TT) nhắn đến số điện thoại 0983.469.894 (của C) để mua các số lô, số đề sau: Số đề 47, 74, 48, 84, 49, 94, 27, 72, 29, 97 mỗi số = 150.000 đồng; số đề 28, 82 mỗi số = 600.000 đồng; số đề 00, 20, 02, 07, 70, 23, 32, 37, 73, 01, 10, 17, 71, 79, 97, 35, 53, 24, 42, 89, 98, 78, 87 mỗi số = 30.000 đồng; số lô 26, 62 mỗi số = 40 điểm. Tổng số tiền mua số lô, số đề là 5.230.000 đồng, nhưng Minh chưa thanh toán tiền cho C. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Minh khai không mua số lô, số đề của C, đồng thời không biết số điện thoại 0334.601.922 là của ai. Ngày 25/01/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã có văn bản yêu cầu Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel cung cấp dữ liệu điện tử của số thuê bao điện thoại 0334.601.922 và được cung cấp như sau: số điện thoại 0334.601.922 đăng ký chủ thuê bao là chị Vũ Thị Ngọc Ánh sinh ngày 28/9/2003, ở xã Lương Nha, huyện Thanh Sơn, tỉnh PT. Quá trình làm việc, chị Ánh xác nhận: chị Ánh không đăng ký sử dụng và không biết ai đang sử dụng số điện thoại trên, chị không cho ai mượn chứng minh thư để đăng ký số điện thoại trên. Vì vậy không có căn cứ để xác định Nguyễn Văn Minh đã sử dụng số điện thoại 0334.601.922 nhắn tin vào số điện thoại 0983.469.894 (của C) để mua số lô, số đề của C với tổng số tiền là 5.230.000 đồng. Tuy nhiên qua khai thác và kiểm tra phần tin nhắn trong số điện thoại của C có thể hiện tin nhắn liên quan đến việc mua bán các số lô, số đề trên tương ứng với số tiền 5.230.000 đồng. Vì vậy C phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền mua bán số lô, số đề trên.

- Chiều ngày 27/12/2020 Bùi Văn Thành sinh năm 1978 (ở khu 13, xã ĐT, huyện TT) đến nhà C mua số đề sau: Số đề 07, 70 mỗi số = 10.000 đồng, số đề 17 = 200.000 đồng, số đề 71 = 50.000 đồng; số đề 18, 81, 57, 75 mỗi số = 20.000 đồng. Tổng là 350.000 đồng, Thành đã trả tiền cho C. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn Thành không thừa nhận việc mua các số đề trên của C mà Thành cho rằng: ngày 25/12/2020 Thành có đến quán bán hàng tạp hóa của gia đình C mua 01 bộ quần áo mua với giá 430.000 đồng (do chị Nguyễn Thị Kim T2 - vợ C bán cho), nhưng do không mang tiền nên Thành nợ tiền chị Thúy, đến chiều ngày 27/12/2020, Thành đem số tiền 430.000 đồng đến trả cho chị Thúy, nhưng do chị Thúy đi vắng nên Thành đã đưa số tiền trên cho C. Thành không mua số lô, số đề của C. Lời khai chị Thúy xác nhận nội dung Thành trình bày như trên là đúng. Do đó không đủ căn cứ xác định Thành đã có hành vi mua số lô, số đề của C vào chiều ngày 27/12/2020 với tổng số tiền là 350.000 đồng. Tuy nhiên khi kiểm tra bảng đề đã thu giữ của Phùng Đức C có thể hiện việc mua bán các số lô, số đề trên tương ứng với số tiền 350.000 đồng. Vì vậy C phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền mua bán số lô, số đề trên.

Hành vi đánh bạc của Phùng Đức C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT phát hiện và bắt giữ trước khi có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc ngày 27/12/2020. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc Phùng Đức C phải chịu trách nhiệm hình sự là 12.740.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, quá trình điều tra C khai nhận đã đứng ra tổ chức bán số lô, đề cho khách từ đầu năm 2019, nhưng sau mỗi ngày C đều hủy bỏ những tài liệu, giấy tờ có liên quan đến hoạt động bán số lô, số đề của mình, đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không thu giữ được, nên không có căn cứ để điều tra làm rõ hành vi mua bán số lô, số đề của Phùng Đức C từ trước ngày 27/12/2020.

Quá trình điều tra, Phùng Đức C đã tự nguyện nộp số tiền 980.000 đồng (gồm tiền mua số lô, số đề mà các đối tượng Đinh Xuân Đạt (210.000đ), Trần Văn Ánh (120.000đ), Nguyễn Văn Giang (60.000đ), Phan Văn Nghĩa (240.000đ) đã trả cho C và số tiền 350.000 đồng); Nguyễn Quyết T1 tự nguyện nộp số tiền 1.280.000 đồng (tiền mua số lô, số đề của C nhưng chưa thanh toán cho C).

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen trắng lắp sim số 0984.677.536 mà Nguyễn Quyết T1 đã sử dụng để nhắn tin mua số lô số đề của C vào chiều ngày 27/21/2020, quá trình điều tra xác định: Sau thời điểm mua bán số lô, số đề của C, Thắng đi Hà Nội và đã làm rơi mất chiếc điện thoại cùng số sim 0984.677.536, đến nay Thắng không xác định được rơi ở khu vực, vị trí nào nên Cơ quan điều tra Công an huyện TT không có căn cứ để thu giữ chiếc điện thoại của Thắng để phục vụ việc điều tra, xử lý vật chứng của vụ án.

Quá trình điều tra xác định: Trong tổng số tiền tổ công tác đã thu giữ khi lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang thu giữ của T 200.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng là tiền hoa hồng C trả cho T khi T mua số lô, số đề của C. Thu giữ của Long 100.000 đồng trong đó có 50.000 đồng là tiền hoa hồng C trả cho Long khi Long mua số lô số đề của C. Còn lại số tiền 100.000 đồng của T và số tiền 50.000 đồng của Long không liên quan đến hành vi Đánh bạc của hai đối tượng trên. Vì vậy

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã ra quyết định xử lý, trả lại cho đã lại cho T 100.000 đồng và Long 50.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tài liệu, tài sản mà tổ công tác của Cơ quan CSĐT Công an huyện TT đã thu giữ tại kết sắt trong phòng ngủ của gia đình Phùng Đức C khi khám xét khẩn cấp nhà ở của C gồm: 05 hợp đồng vay tiền (được đánh số thứ tự từ 01 đến 05), 12 giấy vay tiền (được đánh số thứ tự từ 06 đến 17), 03 quyển sổ ô ly, bên trong mỗi quyển có ghi nhiều chữ và số thể hiện hoạt động cho vay tiền và số tiền 262.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu đồng), 01 khay mực con dấu màu đỏ nhãn hiệu Deli. Quá trình điều tra xác định: số đồ vật, tài liệu và tiền trên là của chị Nguyễn Thị Kim T2 (là vợ của C), chị Thúy sử dụng các tài liệu trên vào việc cho vay lãi, đồng thời mở sổ sách theo dõi thời gian cho vay theo lịch âm. Chị Thúy đã cho 15 người vay tiền và tính lãi suất: 07 người vay với lãi suất từ 0.7%/1 tháng đến 1,5%/1 tháng với tổng số tiền lãi là 83.010.000 đồng, 02 người vay với lãi suất 2%/ 1 tháng với tổng số tiền vay là 3.680.000 đồng trong đó có một người không trả lãi còn 06 người vay không lãi suất. Tổng số tiền lãi chị Thúy thu được thông qua việc cho vay lãi là 86.690.000 đồng (Tám mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Chị Thúy cho vay với lãi suất cao nhất là 2%/1 tháng tương đương với lãi suất là 24%/1 năm, mức lãi suất này đã vượt quá 4% so với lãi suất được quy định theo điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, với mức lãi suất cho vay 24%/1 năm mà không cần cầm cố tài sản, căn cứ vào điều 201 Bộ luật hình sự và căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 hành vi của chị Thúy không vi phạm pháp luật. Mặt khác, những người vay tiền của chị Thúy không có ý kiến đề nghị gì về số tiền lãi đã đóng cho Thúy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý đối với hành vi cho vay lãi của chị Thúy và trả lại cho chị Thúy T bộ tài liệu, đồ vật liên quan đến hoạt động cho vay lãi của Thúy và số tiền 262.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Đối với các đối tượng: Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức L, Đinh Xuân Đạt, Nguyễn Quyết T1, Trần Văn Ánh, Nguyễn Văn Giang, Phan Văn Nghĩa là các đối tượng đã có hành vi mua số lô, số đề của C vào ngày 27/12/2020. Quá trình điều tra xác định: Số tiền mà từng đối tượng đã sử dụng để mua số lô, số đề của C đều dưới 5.000.000 đồng. Về nhân thân: các đối tượng đều chưa có tiền án, tiền sự về hành vi Đánh bạc hoặc Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Vì vậy hành vi đánh bạc trên của các đối tượng không cấu thành tội “Đánh bạc” theo điều 321 BLHS. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ và các tài liệu có liên quan đến các đối tượng trên đến Công an huyện TT để ra quyết định xử phạt hành chính đối với các đối tượng trên về hành vi Đánh bạc.

Bản cáo trạng số:27/CT-VKSTT ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT truy tố bị cáo Phùng Đức C về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

**** Căn cứ khoản 1, Điều 321; Điểm i, s, Khoản 1; Khoản 2, Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.***

**** Tuyên bố: Bị cáo Phùng Đức C phạm tội “Đánh bạc”.***

*** Xử phạt** Bị cáo Phùng Đức C từ 40.000.000 đồng(bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000đồng(năm mươi triệu đồng)để sung Ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 3, Điều 321 BLHS.

*** Về vật chứng vụ án:** Căn cứ Khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 7.510.000đ(bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng).

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu xanh đã qua sử dụng của bị cáo Phùng Đức C.

- Truy thu số tiền 5.230.000đ(Năm triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) của bị cáo Phùng Đức C để sung ngân sách Nhà nước.

-Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim có số thuê bao 0983469894 có mã 8984048831006350676 và 01 bút bi mực màu xanh của bị cáo C.

- Xác nhận cơ quan CSĐT công an huyện TT đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim T2 là chủ sở hữu hợp pháp các tài sản gồm: 05 hợp đồng vay tiền, 12 giấy vay tiền, 03 quyển sổ ô ly, bên trong mỗi quyển có ghi nhiều chữ và số thể hiện hoạt động cho vay tiền và số tiền 262.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu đồng), 01 khay mực con dấu màu đỏ nhãn hiệu Deli.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt họ. Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Phùng Đức C đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai nhận tại phiên tòa đều thống nhất với nhau, phù hợp với nội dung vụ án và phù hợp với vật chứng thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 27/12/2020, tại khu 2, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT, Phùng Đức C đã có hành vi đánh bạc bằng tiền với hình thức bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn T, Nguyễn

Đức L và một số đối tượng khác với tổng số tiền là 12.740.000đ. Hành vi của bị cáo C đã cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất cứ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương, ảnh hưởng đến sự ổn định kinh tế gia đình, là nguồn gốc phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Do vậy cần phải xét xử nghiêm minh đối với bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa C.

[3] Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự là người có nhân thân tốt. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại Điểm i, s Khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có bố đẻ là ông Phùng Văn Dậu được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất. Do đó HĐXX áp dụng Khoản 2, Điều 51 BLHS làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo ít nghiêm trọng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Bị cáo phạm tội với động cơ mục đích vụ lợi, thu lời bất chính nên cần áp dụng hình phạt Tiền là hình phạt chính đối với bị cáo để nộp vào Ngân sách nhà nước, cũng để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt .

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo Khoản 3, Điều 321 BLHS.

[5] Về vật chứng:

Đối với số tiền 7.510.000đ là tiền bị cáo cùng các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là phương tiện phạm tội cần tịch thu để sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 5.230.000đ C đã bán số lô, số đề với anh Nguyễn Văn Minh, không làm rõ được anh Minh là người mua nên không có căn cứ xử lý anh Minh, do

đó bị cáo C có trách nhiệm với khoản tiền trên, cần truy thu để sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu xanh đã qua sử dụng của bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, cần tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước.

Đối với sim số 0983469894 đã qua sử dụng lắp bên trong điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 trên và 01 bút bi mực màu xanh của bị cáo không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra cơ quan CSĐT công an huyện TT đã trả lại cho các chủ sở hữu các tài sản là hợp pháp cần xác nhận.

[6] Đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức L, Đinh Xuân Đạt, Nguyễn Quyết T1, Trần Văn Ánh , Nguyễn Văn Giang , Phan Văn Nghĩa là các đối tượng đã có hành vi mua số lô, số đề của C vào ngày 27/12/2020. Tuy nhiên, số tiền của từng người sử dụng vào mục đích đánh bạc chưa đến mức xử lý về hình sự, bản thân các đối tượng không có tiền án, tiền sự. Nên Công an huyện TT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng trên về hành vi Đánh bạc là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Đối với Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1982 ở khu 4, xã ĐT, huyện TT là người C khai đã gửi tin nhắn từ số điện thoại 0334.601.922 đến số điện thoại 0983.469.894 của C để mua các số lô, số đề là 5.230.000 đồng. Nhưng Minh khai không mua số lô, số đề của C, đồng thời không biết số điện thoại trên là của ai. Qua xác minh dữ liệu điện tử của số thuê bao điện thoại này thì chủ thuê bao là chị Vũ Thị Ngọc Ánh sinh ngày 28/9/2003, ở xã Lương Nha, huyện Thanh Sơn, tỉnh PT. Chị Ánh xác nhận: không đăng ký sử dụng và không biết ai đang sử dụng số điện thoại trên, không cho ai mượn chứng minh thư để đăng ký số điện thoại trên. Vì vậy không có căn cứ để xác định Nguyễn Văn Minh đã sử dụng số điện thoại này để mua số lô, số đề của C.

[8] Đối với Bùi Văn Thành sinh năm 1978 ở khu 13, xã ĐT, huyện TT là người theo lời khai bị cáo đã đến nhà C mua số đề với tổng số tiền là 350.000 đồng, Thành đã trả tiền cho C. Tuy nhiên, Thành không thừa nhận việc mua các số đề trên của C mà cho rằng đến mua 01 bộ quần áo mùa với giá 430.000 đồng của chị Nguyễn Thị Kim T2 vợ C bán, nhưng do không mang tiền nên đến chiều ngày 27/12/2020, Thành đem tiền đến trả, nhưng do chị Thúy đi vắng nên Thành đã đưa số tiền trên cho C. Thành không mua số lô, số đề của C, chị Thúy xác nhận nội dung Thành trình bày như trên là đúng. Do đó không đủ căn cứ xác định Thành đã có hành vi mua số lô, số đề của C vào chiều ngày 27/12/2020 với tổng số tiền là 350.000 đồng.

[9] Đối với số tài liệu, tài sản mà Cơ quan CSĐT Công an huyện TT đã thu giữ tại kết sát trong phòng ngủ khi khám xét khẩn cấp nhà ở của C gồm các tài liệu cho vay lãi và tiền. Quá trình điều tra xác định: số đồ vật, tài liệu và tiền trên là của chị Nguyễn Thị Kim T2 (là vợ của C), chị Thúy sử dụng các tài liệu trên vào việc cho vay lãi, đồng thời mở sổ sách theo dõi. Chị Thúy cho vay với lãi suất cao nhất là 2%/1 tháng tương đương với lãi suất là 24%/1 năm, mức lãi suất này đã vượt quá 4% so với lãi suất được quy định theo điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, với mức lãi

suất cho vay 24%/1 năm mà không cần cầm cố tài sản, căn cứ vào điều 201 Bộ luật hình sự và căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 hành vi của chị Thúy không vi phạm pháp luật. Mặt khác, những người vay tiền của chị Thúy không có ý kiến đề nghị gì về số tiền lãi đã đóng cho Thúy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý đối với hành vi cho vay lãi của chị Thúy và trả lại cho chị Thúy T bộ tài liệu, đồ vật liên quan đến hoạt động cho vay lãi của Thúy và số tiền 262.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

[11] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Khoản 1, Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điểm a Khoản 1, Khoản 3, Điều 35 Bộ luật hình sự.

* Tuyên bố: Bị cáo Phùng Đức C phạm tội “Đánh bạc”.

* Xử phạt Bị cáo Phùng Đức C số tiền **45.000.000đ** (*bốn mươi lăm triệu đồng*) để sung vào Ngân sách nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 3, Điều 321 BLHS.

Hủy bỏ lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 26/2021/HSST-LCCT đối với bị cáo.

* **Về vật chứng vụ án:** Căn cứ vào Điểm a, b Khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 7.510.000đ (*Bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng*). Trong đó của bị cáo Phùng Đức C là 6.080.000đ (*sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*), của anh Nguyễn Quyết T1 1.280.000đ (*một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*), của Nguyễn Văn T 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*), của Nguyễn Đức L 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*).

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu xanh đã qua sử dụng của bị cáo Phùng Đức C.

- Truy thu số tiền 5.230.000đ (*Năm triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*) của bị cáo Phùng Đức C để sung ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim có số thuê bao 0983469894 có mã 8984048831006350676 và 01 bút bi mực màu xanh của bị cáo C;

Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện TT đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/6/2021.

- Xác nhận cơ quan CSĐT công an huyện TT đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim T2 là chủ sở hữu hợp pháp các tài sản gồm: 05 hợp đồng vay tiền, 12 giấy vay tiền, 03 quyển sổ ô ly, bên trong mỗi quyển có ghi nhiều chữ và số thể hiện hoạt động cho vay tiền và số tiền 262.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi hai triệu đồng*), 01 khay mực con dấu màu đỏ nhãn hiệu Deli.

*** Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phùng Đức C phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo Bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình tính từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND H.TT,
- VKSND tỉnh PT;
- CA huyện TT;
- CQ THAHS;
- UBND xã ĐT (TB);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú